NHÂN 45 NĂM NGÀY THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO VÀ 30 NĂM KÝ KẾT HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ: NHÌN LẠI QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT-LÀO

Vũ Dương Huân*

Trong quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc có nhiều khuôn khổ hợp tác như: liên minh, đồng minh, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác nhiều mặt, đối tác truyền thống… Liên minh hay đồng minh là hình thức hợp tác cao nhất. Song mối quan hệ giữa Việt Nam và Lào là mối quan hệ đồng minh, liên minh đặc biệt. Đó là hình thức liên minh cao nhất trong nhận thức của Việt Nam.

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, núi liền núi, sông liền sông. Người Việt, người Lào cùng tắm chung dòng nước Mê Công, cùng dựa lưng vào dãy Trường Sơn và Phun Xam-xâu. Hai dân tộc Việt, Lào có hàng nghìn năm lịch sử chung sống bên nhau, giúp đỡ lẫn nhau, nương tựa vào nhau.

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, biến Đông Dương thành thuộc địa và Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời lãnh đạo phong trào cách mạng nhân dân ba nước, quan hệ Lào-Việt chuyển sang giai đoạn phát triển mới về chất, "quan hệ đặc biệt" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gọi trong cuộc gặp lãnh đạo hai Đảng năm 1966.

Sự kiện hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao 5/9/1962 là bước phát triển mới của quan hệ đặc biệt Việt-Lào. Từ đây bên cạnh quan hệ Đảng, giao lưu nhân dân còn có quan hệ Nhà nước. Với việc ký kết Hiệp ước hữu nghị, hợp tác Việt-Lào (18/7/1977), quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào có thêm xung lực mới để phát triển. Trong bài viết này, tác giả muốn tập trung phân tích thành tựu quan hệ đặc biệt Việt-Lào, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, và rút ra những đặc điểm của mối quan hệ. Đó cũng là việc làm thiết thực góp phần kỷ niệm những Ngày lễ lớn của hai dân tộc Việt, Lào.

* PGS. TS., Vụ trưởng, Trưởng Ban Nghiên cứu lịch sử ngoại giao, Bộ Ngoại giao.

Tình đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt-Lào trong cuộc đấu tranh giành, và củng cố độc lập dân tộc (1930-1986)

Trên đất Đông Dương đã nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa chống ách cai trị của thực dân Pháp xâm lược. Ở Việt Nam, có Phong trào Cần vương, khởi nghĩa Phan Đình Phùng, Yên Thế..., tại Lào có cuộc đấu tranh của Phò Ca-đuột ở Sa-va-na-khet, của ông Kẹo và Cô-ma-đam ở Nam Lào (1901-1918) và Chậu-pha Pat-chay ở Bắc Lào (1919-1922)… Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại, chủ yếu do đường lối. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, chấm dứt sự khủng hoảng đường lối trong phong trào yêu nước của nhân dân Đông Dương. Đúng như Chủ tịch Cay-xỏn Phom-vi-hẳn đã viết: "Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập, đánh dấu bước ngoặt lịch sử của ba nước Đông Dương. Từ đó dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác - Lê-nin chân chính, với ngọn cờ cách mạng, độc lập, dân chủ, cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc Lào bước sang thời kỳ mới với chất lượng hoàn toàn mới. Từ đây Cách mạng Lào trở thành một bộ phận khăng khít của Cách mạng Đông Dương và thế giới. Mối quan hệ Việt-Lào bước vào giai đoạn phát triển mới, bắt đầu hình thành liên minh chiến đấu giữa Cách mạng Lào và Cách mạng Việt Nam".[1] Tháng 4/1930, một số chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập ở Viêng-chăn, Thà-khẹt và 9/1934 Xứ uỷ Ai-lao ra đời trực tiếp lãnh đạo cách mạng Lào, song năm 1936 bị tan vỡ do bị khủng bố. Tháng 5/1941, Hội nghị TW-8 Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ở mỗi nước, khôi phục Xứ ủy Lào. Nhật vào Đông Dương, cuộc đấu tranh chống Pháp và phát-xít Nhật phát triển mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân Việt Nam làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2/9/1945), nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á và nhân dân Lào cũng làm cách mạng thành công, lập Chính phủ lâm thời Lào Ít-xa-la (12/10/1945). Hai ngày sau Chính phủ lâm thời Ít-xa-la thành lập, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chính phủ đầu tiên và duy nhất gửi điện chúc mừng và công nhận nền độc lập của Lào, đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao. Rất tiếc, do Pháp và các lực lượng phản động cản phá nên việc thiết lập quan hệ ngoại giao đã không thực hiện được.

Với việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Ít-xa-la ở Viêng-chăn, quan hệ đặc biệt Việt-Lào mở

[1] Xem Vũ Dương Huân (chủ biên), Nguyễn Đình Thụ, Mai Sỹ Hùng, *Quan hệ đặc biệt Việt-Lào* (Hà Nội: Học viện Quan hệ Quốc tế, 2003), tr. 34.

sang trang mới. Tháng 9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời Hoàng thân Xu-pha-nu-vông thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Ngày 30/10/1945, Hiệp định hợp tác quân sự thành lập Liên quân Việt-Lào chống kẻ thù chung được ký kết. Từ đây liên minh hai nước, hai dân tộc được chính thức xác lập về mặt nhà nước.[2] Liên quân Lào-Việt vừa đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vũ trang, xây dựng cơ sở quần chúng, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ và ngày 20/1/1949 Quân đội giải phóng Lào được thành lập. Tiếp đó ngày 13/8/1950, Mặt trận dân tộc thống nhất Ít-xa-la và Chính phủ kháng chiến ra đời. Tháng 2/1951, Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Đảng riêng ở từng nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước mình. Việc giúp Lào về quân sự được đẩy mạnh và khẳng định "giúp Bạn là tự giúp mình" (8/1953). Đến cuối năm 1953, liên quân Lào-Việt đã giải phóng 1/2 đất nước, tạo thành vùng giải phóng rộng lớn. Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 đã buộc Pháp và các cường quốc công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Tại Hội nghị, Việt Nam đã kiên quyết đấu tranh đòi công nhận Chính phủ kháng chiến Lào, Cămphuchia có đại diện tại Hội nghị song không có kết quả.

Sau Hội nghị Giơ-ne-vơ, tình hình Việt Nam, Lào có những nét mới. Tháng 3/1955, với sự giúp đỡ tích cực của Việt Nam, Đảng Nhân dân Lào được thành lập (năm 1972 đổi thành Đảng Nhân dân cách mạng). Đảng ra nghị quyết kiên trì đấu tranh quân sự, chính trị và củng cố hai tỉnh tập kết. Quân đội giải phóng Lào cùng với sự hỗ trợ của quân tình nguyện Việt Nam đã đẩy mạnh cuộc chiến đấu, đánh thắng nhiều chiến dịch lớn như Sầm Nưa (9/1960), Nậm Thà (5/1962), Nậm Bạc (1968), Đường 9-Nam Lào (1971)… Việt Nam đã tích cực giúp Lào trong đàm phán Giơ-ne-vơ 1961-1962 và 5/9/1962 thiết lập quan hệ ngoại giao với Vương quốc Lào. Chiến thắng của Liên quân Việt-Lào đã buộc Mỹ-Ngụy ký Hiệp định Viêng-chăn (2/1973) lập lại hoà bình ở Lào. Chớp thời cơ do thắng lợi của Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975 của Việt Nam, quân và dân Lào đã đồng loạt tiến công và nổi dậy giành chính quyền lập ra nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào 1/12/1975. Quan hệ đặc biệt Việt Lào bước sang một giai đoạn mới.

Hai nước còn giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, khôi phục và bảo vệ tình đoàn kết giữa nhân dân 3 nước Đông Dương trong những năm 1978-1986.

Như vậy liên minh chiến đấu Việt-Lào đã kế thừa tuyền thống đoàn kết keo sơn

[2] Hoàng Văn Thái, *Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam-Lào* (Hà Nội: Nxb Sự Thật, 1983), tr. 18.

giữa hai dân tộc hình thành từ xa xưa, được củng cố và phát triển trong cuộc chiến đấu gian khổ chống kẻ thù chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng của hai nước. Đó là quan hệ đặc biệt với những nét độc đáo mà cốt lõi là tư tưởng Hồ Chí Minh: "giúp bạn là giúp mình".[3] Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Lào Chu-ma-ly Xay-nha-xỏn viết: "Nhân dân các bộ tộc Lào khắc sâu trong trái tim mình những hình ảnh của liên minh chiến đấu giữa hai nước chúng ta đã diễn ra trên toàn mảnh đất vô vàn thân yêu của nhân dân Lào, những giọt mồ hôi, giọt máu của các chiến sỹ quân tình nguyện Việt Nam đã chan hoà với xương máu của các chiến sỹ và nhân dân các bộ tộc Lào vì độc lập dân tộc".[4]

Quan hệ đặc biệt Việt-Lào trong thời kỳ đổi mới

Hợp tác chính trị

Triển khai Hiệp ước Hữu nghị hợp tác và những thỏa thuận giữa hai Đảng, hai nước trong thời kỳ đổi mới, quan hệ đặc biệt Việt-Lào tiếp tục phát triển mạnh mẽ, nhất là phương diện chính trị. Hai Đảng rất coi trọng và thường xuyên trao đổi đoàn cấp cao nhằm trao đổi kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước, phối hợp hoạt động; xác định quan điểm, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo và phương hướng phát triển quan hệ giữa hai đảng, hai nước cho từng thời kỳ. Việc trao đổi kinh nghiệm giữa lãnh đạo hai Đảng có ý nghĩa chính trị vô cùng quan trọng, góp phần phối hợp đường lối chủ trương của hai Đảng. Trong những năm gần đây đã có những chuyến thăm: tháng 3/2001, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu dự Đại hội VII của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; tiếp đó, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm hữu nghị chính thức Lào (7/2001). Hai bên ra Tuyên bố chung xác định phương hướng phát triển quan hệ đặc biệt Việt-Lào trong thế kỷ 21. Tháng 5/2002 Tổng bí thư, Chủ tịch nước Lào Khăm-tày Xi-phan-đon thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Sau Đại hội VIII của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (3/2006) và Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam (4/2000) việc trao đổi đoàn cấp cao giữa hai nước diễn ra sôi động: Tổng bí thư Nông Đức Mạnh (10/2006), Chủ tịch Nguyễn Minh Triết (2/2007), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (12/2006) và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng (4/2007) đã tiến hành các chuyến thăm hữu nghị chính thức Lào. Về phía Lào, thăm hữu nghị chính thức Việt Nam có Tổng bí thư, Chủ tịch nước Chu-ma-ly Xay-nha-xỏn (6/2006), Thủ tướng Bua-xỏn Bu-phả-văn (8/2006), Chủ tịch Quốc hội Thoong-sin Tham-ma-vông (11/2006). Và nhân dịp kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ký

[3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t. 7, tr. 64.
[4] Chu-ma-ly Xay-nha-xỏn, Phát biểu tại Quốc hội Việt Nam, Báo *Nhân Dân*, ngày 21/6/2006.

Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, hai bên cũng đã trao đổi đoàn cấp cao thăm hữu nghị chính thức lẫn nhau và dự các hoạt động kỷ niệm. Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng ta đã dẫn đầu đoàn cấp cao Đảng và Nhà nước ta thăm Lào và đồng chí Bun-nhăng Vo-la-chít, Uỷ viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước Lào, đồng chí Xi-mản Vi-nha-khệt Uỷ viên Bộ Chính trị đã thăm hữu nghị chính thức Việt Nam (tháng 7 và 9/2007). Điều đó góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ đặc biệt Việt-Lào.

Ngoài đoàn cấp cao, hàng năm hai bên trao đổi vài trăm đoàn các cấp khác nhau, kể cả cấp bộ trưởng, về các lĩnh vực hợp tác, cũng góp phần phát triển quan hệ đặc biệt. Giao lưu nhân dân cũng phát triển mạnh mẽ, trao đổi giữa các địa phương, tiếp xúc giữa các doanh nghiệp cũng rất sôi động, góp phần làm cho quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước và hai dân tộc càng trở nên phong phú.

Việc hợp tác chính trị còn thể hiện trong việc Việt Nam tăng cường đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác-Lênin cho lãnh đạo, quan chức các cấp của Lào và thường xuyên trao đổi kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể…

Hợp tác chính trị còn thể hiện ở việc hai Đảng còn quan tâm tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hai nước về ý nghĩa to lớn, tầm quan trọng của quan hệ đặc biệt Việt-Lào. Vừa qua (5-9/9/2007) tại Xa-va-na-khẹt thanh niên hai nước tổ chức giao lưu rất hiệu quả.

Hợp tác về đối ngoại cũng là một hướng quan trọng trong hợp tác chính trị giữa hai Đảng, hai nước. Hai bên đã thoả thuận trao đổi thông tin, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động đối ngoại và phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế. Việt Nam và Lào đã phối hợp hết sức chặt chẽ tại các diễn đàn Liên Hợp Quốc, ASEAN, ASEM, Phong trào Không liên kết, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ; tại các diễn đàn hợp tác tiểu vùng: Tiểu vùng Mê-kông mở rộng (GMS), Uỷ hội Mê-kông, Hành lang kinh tế Đông-Tây, Tam giác phát triển (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) và Tứ giác phát triển (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma), Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ay-ê-oa-đi - Chao Phray-a - Mê-kông (ACMECS) (Ayewady, Chao Phraya, Mekong)… Để thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực đối ngoại, hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao, hai Ban Đối ngoại Trung ương Đảng đóng vai trò rất quan trọng. Hai bộ đã hợp tác hết sức chặt chẽ, ký kết Thỏa thuận hợp tác dài hạn, triển khai hợp tác giữa

các đơn vị của hai bộ và tiến hành 4 cuộc giao lưu luân chuyển ở Việt Nam và Lào. Hai Ban đối ngoại cũng thường xuyên trao đổi, phối hợp hoạt động rất hiệu quả. Việc hợp tác đặc biệt về đối ngoại là một lĩnh vực hợp tác đặc biệt thành công.

Về phương diện pháp lý cũng như cơ chế hợp tác cũng có những tiến bộ. Cho đến nay, hai nước đã ký kết hơn 40 văn kiện hợp tác, trong đó có Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, Hiệp ước Hoạch định biên giới quốc gia, Chiến lược hợp tác 2001-2010 và định hướng đến năm 2020, Thoả thuận hai Chính phủ về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hoá qua lại biên giới (14/9/2007)… tạo cơ sở pháp lý vững chắc và khá toàn diện cho phát triển quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước. Cơ chế hợp tác như Ủy ban hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học-kỹ thuật giữa hai chính phủ, Cơ chế Ủy ban biên giới quốc gia, Cơ chế thoả thuận chiến lược hợp tác ngày càng hoàn thiện và đóng vai trò hết sức quan trọng trong tăng cường hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước và nâng cao tính hiệu quả của hợp tác.

Hợp tác quốc phòng, an ninh

Đây cũng là lĩnh vực hợp tác được hai nước rất quan tâm. Trong thời kỳ đổi mới, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá cách mạng hai nước. Đối với Việt Nam các thế lực thù địch, nhất là bọn phản động người Việt lưu vong luôn tìm cách thâm nhập Việt Nam qua biên giới Việt-Lào. Ở Lào các tổ chức phản động cũng thường xuyên tìm cách chia rẽ nội bộ Lào. Các thế lực thù địch bên ngoài thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, gây bạo loạn, lật đổ, dùng chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo nhằm làm mất ổn định chính trị của hai nước. Mặt khác, các vấn đề an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên quốc gia, buôn bán ma tuý, buôn lậu qua biên giới… cũng đang gia tăng. Chính vì vậy hợp tác an ninh, quốc phòng có ý nghĩa rất quan trọng, bảo vệ vững chắc địa bàn biên giới, góp phần xây dựng tuyến biên giới Việt-Lào ổn định và phát triển toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia của hai nước, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội, góp phần giữ gìn hoà bình, ổn định và hợp tác, phát triển ở khu vực và thế giới.

Hai nước đã thực hiện tốt những nội dung hợp tác về an ninh quốc phòng. Hàng năm Bộ An ninh Lào cùng Bộ Công an Việt Nam thường xuyên trao đổi thông tin liên quan đến an ninh hai nước, tăng cường trao đổi kinh nghiệm và phối hợp chiến đấu chống phản động, gián điệp, bảo vệ nội bộ. Trong các vấn đề liên quan đến biên giới hai bên cũng có sự hợp tác

rất tốt.[5] Hợp tác an ninh, quốc phòng tiếp tục duy trì với mức độ tin cậy cao.[6]

Hợp tác tìm kiếm, cất bốc hài cốt liệt sỹ Việt Nam hy sinh tại Lào cũng là một nội dung hợp tác trên lĩnh vực này giữa hai nước, thể hiện tính nhân đạo cao cả và tình cảm biết ơn sâu nặng của lãnh đạo và nhân dân Lào đối với quân tình nguyện Việt Nam. Cho đến nay hai bên đã phối hợp tìm kiếm được 16.536 mộ và bốc, đưa về nước được 13.000 hài cốt.

Việt Nam cũng đã giúp Lào đào tạo cán bộ quân sự, cán bộ an ninh, đáp ứng được yêu cầu của công tác quốc phòng và an ninh trong sự nghiệp đổi mới.

Kết quả to lớn trong hợp tác quốc phòng, an ninh giữa hai nước đã góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt-Lào.

Hợp tác kinh tế

Đây là lĩnh vực hợp tác rất quan trọng và đa dạng, từ thương mại, tài chính, đầu tư đến nông nghiệp, lâm nghiệp v.v… Cùng với quan hệ chính trị tốt đẹp, quan hệ kinh tế ngày càng khởi sắc và bước đầu tạo nền tảng vật chất cho liên kết và củng cố quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai nước.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, hai bên tập trung chủ yếu vào đào tạo cán bộ, chuyên gia cho Lào và hợp tác trao đổi chuyên gia. Ngoài ra, còn chú trọng trao đổi kinh nghiệm quản lý kinh tế và nông nghiệp. Từ 1993 đến năm 2000, hai bên quyết tâm xoá bỏ cơ chế bao cấp, cải tiến cơ chế hợp tác, cơ chế quản lý với định hướng: vừa đảm bảo lợi ích chính đáng của mỗi bên, vừa có ưu tiên lẫn nhau. Ngoài ra, hợp tác kinh tế được đưa vào kế hoạch hàng năm, khuyến khích hợp tác giữa các ngành, địa phương và doanh nghiệp; thay cơ chế hợp tác nhà nước bằng những hình thức làm ăn linh hoạt như ký kết hợp đồng, trao đổi hàng hoá cùng có lợi, đấu thầu... Hai bên cũng đã thoả thuận chủ trương hợp tác dựa trên thế mạnh của mỗi bên: tài nguyên của Lào, lao động và kỹ thuật của Việt Nam và vốn bên thứ ba. Đặc biệt hai nước đã ký kết kế hoạch hợp tác kinh tế trung hạn và dài hạn như Chương trình hợp tác kinh tế 1992-1995, 1996-2000, 2001-2005 và Thỏa thuận về chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật 1996-2000, Định hướng đến năm 2020. Trong các văn kiện trên đã làm rõ quan điểm, phương hướng, nội dung hợp tác và cơ chế hợp tác góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác. Hai bên còn xác định: tập trung vốn cho công

[5] Phát biểu của Bộ trưởng An ninh Lào, *Đặc san 45 năm hợp tác hữu nghị Việt Nam-Lào*, tr. 120.

[6] Phạm Gia Khiêm, *Quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào: Những chặng đường vinh quang và thắng lợi*, Báo *Nhân Dân*, ngày 17/7/2007.

tác quy hoạch, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục. Nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư, hai nước đã ký Hiệp định bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế hai lần và nhiều văn kiện hợp tác khác.

Về hợp tác đầu tư: Những năm gần đây, đầu tư của Việt Nam sang Lào tăng nhanh, nhờ chính sách coi trọng và khuyến khích của cả hai Chính phủ. Theo Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư Lào, từ năm 1989-5/2007, Việt Nam có 106 dự án đầu tư vào Lào với tổng giả trị khoảng 517 triệu đô-la, trong đó 64 dự án 100% vốn Việt Nam với tổng giá trị hơn 453 triệu đô-la và 42 dự án liên doanh (khoảng 64 triệu đô-la), đứng thứ ba trong 37 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Lào, sau Thái Lan và Trung Quốc. Dự án đầu tư của Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực nông-lâm nghiệp, chế biến gỗ, điện năng, khảo sát và khai thác mỏ, dịch vụ… Các dự án lớn của Việt Nam là Nhà máy thuỷ điện Xe-ca-mản 3 có vốn 273 triệu đô-la do Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Việt-Lào làm chủ đầu tư; các dự án trồng cao su tại 4 tỉnh Nam Lào có vốn từ 10-32 triệu đô-la. Lào có 7 dự án đầu tư ở Việt Nam với tổng giá trị gần 17 triệu đô-la. Xu hướng đầu tư tiếp tục tăng nhanh.

Về thương mại: Hai bên đã ký các hiệp định thương mại 5 năm và nghị định thư hàng năm, tạo hành lang pháp lý cho trao đổi thương mại giữa hai nước. Đồng thời, năm 2005 hai bên cũng đã thỏa thuận giảm thuế xuất nhập khẩu cho hàng hóa có xuất xứ từ hai nước từ 50%-0%. Mặt khác, việc lập khu thương mại tự do Lao Bảo - Đen-xa-vẳn, các cửa khẩu phụ, 11 chợ biên giới... đã góp phần làm cho kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng nhanh từ 80 triệu đô-la năm 1995 lên 165 triệu năm 2005 và 260 đô-la triệu năm 2006, tăng 45,9% so với năm 2000 và 60,5% so với năm 2005. Việt Nam xuất 94 triệu và nhập 166 triệu đô-la. Cơ cấu hàng hoá có sự thay đổi lớn, chất lượng ngày một tốt hơn. Tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Lào trong giai đoạn 2001-2005 đạt 687,8 triệu đô-la, bình quân mỗi năm đạt 137,56 triệu đô-la. Việt Nam xuất sang Lào chủ yếu là hàng dệt may, giầy dép, chất dẻo, gạo, máy vi tính và sản phẩm điện tử… Việt Nam nhập phần lớn là các sản phẩm gỗ, kim loại thường, nguyên-phụ liệu thuốc lá… Hai nước phấn đấu đưa kim ngạch lên 1 tỷ đô-la vào 2010 và gấp 4 lần 2006 vào năm 2015. Bộ Thương mại Việt Nam và Bộ Công-Thương Lào đang xây dựng Đề án phát triển thương mại Việt-Lào 2007-2015.

Hợp tác du lịch. Năm 1991 hai nước đã ký Hiệp định hợp tác du lịch. Đến nay hợp tác đã có một số kết quả đáng khích lệ. Số khách đi du lịch Lào và Việt Nam ngày một tăng. Năm 2006, khách Lào tới Việt Nam đạt con số 33.980 và khách Việt

Nam sang Lào là 141.653. Một số hãng du lịch Việt Nam đã lập Văn phòng đại diện tại Lào. Bên cạnh trao đổi khách, hai bên đã có những hợp tác hỗ trợ kỹ thuật. Việt Nam đã cấp một số học bổng đào tạo cán bộ du lịch cho Lào, cùng Lào trao đổi kinh nghiệm xây dựng Luật du lịch, phân hạng khách sạn, quản lý hướng dẫn viên du lịch và quy hoạch du lịch. Cơ quan du lịch hai nước còn chủ động tổ chức hội chợ du lịch góp phần phát triển hợp tác du lịch hai nước. Theo đánh giá của các chuyên gia, hợp tác du lịch Việt-Lào là lĩnh vực hợp tác có nhiều tiềm năng lớn, cần khai thác.

Hợp tác về tài chính-ngân hàng. Về tài chính, các chương trình hợp tác đang được triển khai mạnh. Việt Nam luôn đáp ứng các yêu cầu của phía Lào, nhất là củng cố, phát triển ngành tài chính của Lào. Ngành thuế hợp tác rất chặt chẽ trong việc giải quyết những rào cản nhằm thực hiện giảm thuế nhập khẩu như đã thỏa thuận. Việt Nam đã viện trợ không hoàn lại cho Lào để xây dựng Trường cao đẳng Tài chính Đông Khăm Xạng. Dự án đang được triển khai. Về ngân hàng, hai bên thường xuyên tiến hành trao đổi kinh nghiệm về chính sách quản lý vĩ mô của Ngân hàng nhà nước và trao đổi kinh nghiệm chuyên môn về Ngân hàng thương mại và giúp nhau đào tạo cán bộ ngân hàng. Ngoài ra, việc thành lập Ngân hàng liên doanh Việt-Lào cũng là một thành tựu hợp tác ngân hàng hai nước và đóng góp thiết thực thúc đẩy hợp tác đầu tư, thương mại giữa hai nước.

Hợp tác về giao thông vận tải. Hợp tác giao thông vận tải tập trung trên một số lĩnh vực: đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng công trình giao thông, nghiên cứu phát triển các tuyến đường sắt, đường bộ kết nối giữa hai nước, hợp tác vận tải đường bộ, đường không. Hai bên đã tiến hành đầu tư nâng cấp các tuyến đường nối liền Việt Nam-Lào và thông ra các cảng biển Việt Nam. Đồng thời, góp phần thực hiện các dự án Hành lang Đông-Tây từ Việt Nam qua Lào, Thái Lan đến Mi-an-ma, nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, dài 1450 km…

Đường 18B dài 113 km nối thủ phủ tỉnh A-tô-pư, Lào với Công Tum, Việt Nam là tuyến giao thông quan trọng nối các tỉnh Nam Lào và Tây Nguyên Việt Nam mở ra tiềm năng phát triển cho các tỉnh Nam Lào. Đây còn là hành lang Đông Tây mới, được xây dựng bằng vốn vay ưu đãi của Việt Nam cho Lào. Tuyến đường đã khai trương 6/2006 sau 5 năm xây dựng. Việt Nam đã cùng Lào cải tạo và nâng cấp các đường 9, đoạn trên lãnh thổ Việt Nam dài 246 km và trên đất Lào 250 km (từ Đen-sa-vẳn trên biên giới Việt Nam qua Sa-va-na-khẹt tới biên giới Lào-Thái Lan). Hai nước đã hợp tác triển khai các dự án: Công trình đường 13 Bắc Lào dài 163 km từ cố đô Luông Phra-băng đến Ka-si; Công trình đường 7 dài 113 km từ

Xiêng Khoảng đến Nậm Cắn; Công trình đường 13 Nam Lào từ Păc-xế đến Phia Phay; Công trình đường 8 từ cửa khẩu Cầu Treo đến quốc lộ 13… Đồng thời, Việt Nam đã cải tạo và nâng cấp các cảng Đà Nãng, Cửa Lò, Xuân Hải, Vũng Áng, tạo điều kiện cho vận chuyển hàng hoá của Lào. Hai bên cũng đã ký Thoả thuận sử dụng thuận lợi cảng Vũng Áng (7/2001). Theo đó Việt Nam đã giảm 4 loại lệ phí cho Lào. Việt Nam đã giúp Lào khảo sát lập báo cáo khả thi nâng cấp các trục đường.

Hai nước cũng đã khởi động dự án đường sắt Việt-Lào. Theo thiết kế, tổng chiều dài đường sắt là 519 km, bắt đầu từ Hà Tĩnh, Việt Nam chạy sang Nam-Trung Lào, dọc theo tuyến đường 12 đến tỉnh Khăm-muộn và đi Viêng-chăn. Đây là một phần trong Dự án đường sắt xuyên Á. Đoạn trên đất Việt Nam dài 119 km.

Hai bên cũng hợp tác rất tốt trong vận chuyển hàng hoá qua đường bộ cũng như đường hàng không. Các tuyến đường hàng không Thành phố Hồ Chí Minh - Luông Phra-băng và Hà Nội - Viêng-chăn tăng chuyến đáp ứng yêu cầu du lịch, giao lưu giữa hai nước.

Hợp tác bưu chính-viễn thông cũng đang được triển khai. Hai nước đã thoả thuận xây dựng tuyến cáp quang nối Việt Nam và Lào; đồng thời phối hợp lập dự án kinh doanh tuyến cáp quang quốc tế 6 nước.

Như vậy, với hơn 2000 km biên giới, Việt Nam, Lào có điều kiện kết nối giao thông đường bộ và cả đường sắt xuyên Á. Các cảng biển ở miền Trung Việt Nam là cửa ngõ thông ra biển của Lào. Mặt khác, hai nước đều nằm trong Tiểu vùng Mê-kông mở rộng. Đó là những nhân tố thuận lợi đẩy mạnh hợp tác giao thông Việt-Lào, cả song phương và đa phương.

Hợp tác về điện năng. Lào có tiềm năng thủy điện rất lớn. Đây là lĩnh vực hợp tác đầy tiềm năng đã và đang triển khai hiệu quả. Việt Nam đã ký thỏa thuận mua khoảng 1500-2000 MW điện của Lào trong giai đoạn 1988-2010. Vì vậy, Chính phủ hai nước đã thỏa thuận hợp tác xây dựng các nhà máy thủy điện có tổng công suất đến năm 2015 là 2000 MW và năm 2020 là 3000 MW. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Việt-Lào đầu tư xây dựng thủy điện Xê-ca-mản 3 với công suất 240 MW, sẽ phát điện vào năm 2009. Theo chương trình đã thỏa thuận giữa hai chính phủ, Công ty sẽ thực hiện các dự án thủy diện khác là Xê-ca-mản 4 (240 MW), Nậm Cắn (66 MW), Nậm Mô và Xê-ca-mản 1, Xê-kông 3 (250 MW) , Đăk Y-mơn (126 MW)... Tổng đầu tư khoảng 1,1 tỷ đô-la và tổng công suất 960 MW. Và 5 trong 8 nhà máy sẽ được khởi công trong năm 2008-2009. Theo đánh giá của phía bạn Lào, các dự án không những tận dụng được nguồn tài nguyên thủy điện to lớn của Lào, giúp phát triển khu vực Nam

Lào, mà còn góp phần nâng kim ngạch thương mại giữa hai nước.[7]

Hợp tác về nông-lâm nghiệp: Nội dung hợp tác là sản xuất lương thực, xây dựng hệ thống thủy lợi, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, từng bước phát triển đầu tư và thương mại. Trong giai đoạn 1993-1997, hai bên đã phối hợp xây dựng các mô hình thí điểm phát triển nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn mới tại các vùng đặc trưng của Lào. Từ năm 1997-2000, Việt Nam tập trung giúp Lào quy hoạch phát triển nông nghiệp và thủy lợi. Trên cơ sở điều tra, khảo sát và kết quả quy hoạch, Bộ Nông nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Bộ Nông-Lâm nghiệp Lào xây dựng Chiến lược an ninh lương thực của Lào đến 2010. Hai bên cũng phối hợp thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển lương thực ở 7 khu vực đồng bằng, hỗ trợ phát triển lương thực các tỉnh miền núi phía Bắc Lào, thực hiện dự án sản xuất lương thực và chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số địa phương, triển khai dự án phát triển giống ngô lai, xây dựng xí nghiệp chế biến phân vi sinh ở Viêng-chăn… Ngoài ra, trong giai đoạn từ 2000 đến nay, Việt Nam đã giúp Lào xây dựng nhiều công trình thủy lợi, đặc biệt là hai công trình lớn ở Viêng-chăn và Dự án thủy lợi Nam-long ở tỉnh Hủa-phăn.

Một nội dung hợp tác nữa là hợp tác phòng chống dịch cúm gia cầm. Việt Nam đã cử chuyên gia giúp Lào xây dựng kế hoạch phòng chống dịch, cung cấp thiết bị phòng thí nghiệm, cung cấp vắc-xin, đào tạo cán bộ thú y…

Hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh giữa doanh nghiệp hai nước trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp cũng từng bước phát triển. Tổng công ty cao su Việt Nam, các công ty của tỉnh Đắc Lắc đã và đang triển khai thành công 6 dự án trồng cây cao su tại các tỉnh Nam Lào với tổng diện tích hơn 47.000 ha. Năm 2006 đã trồng được 12 ha. Ngoài ra, các công ty của Đắc Lắc còn có những dự án hợp tác trồng cà phê, sản xuất phân vi sinh với các đối tác Lào. Một số doanh nghiệp nông, lâm nghiệp Việt Nam cũng mở văn phòng đại diện hay chi nhánh tại Lào để triển khai các hợp đồng tư vấn xây dựng, lắp đặt, chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tổng hợp, cung cấp các loại máy kéo nhỏ hai bánh… Hợp tác trồng cà phê là dự án được đánh giá là rất triển vọng, mang lại lợi ích lớn cho cả Lào và Việt Nam.

Hợp tác trong vấn đề địa chất, khoáng sản: Lào có tài nguyên khoáng sản khá phong phú như muối, than, vàng, bô-xit và các mỏ kim loại mầu khác. Do vậy khai

[7] Hợp tác năng lượng Việt-Lào mang lợi ích hai chiều, tại địa chỉ http://www.mofa.gov.vn, ngày 18/7/2007.

khoáng cũng là một lĩnh vực hợp tác không kém phần quan trọng của hai nước. Hiện Việt Nam và Lào đang tiến hành điều tra mỏ muối ka-li ước tính trữ lượng 276 triệu tấn tại tỉnh Khăm-muộn, dự tính khai thác vào thời gian tới nhằm phục vụ sản xuất phân bón. Một số doanh nghiệp Việt Nam đang hợp tác với doanh nghiệp Lào tiến hành điều tra, khai thác than ở các tỉnh Viêng-chăn, Khăm-muộn, U-đôm-xay; bô-xít tại Xê-công; thiếc tại Xiêng Khoảng, Khăm-muộn và Hủa-phăn…

Hợp tác về giáo dục-văn hoá-khoa học, kỹ thuật, y tế

Trước hết, về *hợp tác giáo dục*. Hợp tác giáo dục là lĩnh vực ưu tiên cao và có ý nghĩa chiến lược trong quan hệ đặc biệt Việt-Lào. Chính vì vậy một phần viện trợ đáng kể trong các giai đoạn lịch sử đều được dành cho giáo dục và quy mô hợp tác giáo dục ngày một tăng. Trong những năm 1986-1990, Việt Nam đã đào tạo cho Lào 537 cử nhân các ngành và 252 kỹ thuật viên trung cấp. Từ đầu những năm 1990, Lào chủ trương không gửi đào tạo trung cấp, mà chỉ gửi lưu học sinh đào tạo đại học và sau đại học tại Việt Nam. Đó là chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Trong những năm 1991-1995, Việt Nam đào tạo cho Lào 1458 và những năm 1996-2000 là 2184 học sinh đại học, sau và trên đại học. Trong Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học-kỹ thuật giai đoạn 2001-2005, Việt Nam viện trợ cho Lào khoảng 500 tỷ đồng, và 38,2% được dành cho giáo dục. Trong giai đoạn 2006-2010, hàng năm có 550-560 sinh viên Lào được cử sang đào tạo tại Việt Nam. Theo Bộ Giáo dục Lào, hiện có 3845 lưu học sinh Lào đang theo học nhiều ngành nghề khác nhau tại hàng chục trường đại học, học viện ở 20 tỉnh, thành của Việt Nam. Trong tổng số trên có 1112 sinh viên theo diện Hiệp định, 2434 theo diện kết nghĩa giữa các tỉnh và cơ sở đào tạo của hai nước và 229 lưu học sinh tự túc. Từ 1958 đến nay, Việt Nam đã đào tạo cho Lào khoảng 60 nghìn lưu học sinh, trong đó có hàng trăm tiến sỹ, thạc sỹ, đang công tác ở các cơ quan, địa phương của Lào. Nhiều người trở thành cán bộ cao cấp trong các cơ quan Đảng, Nhà nước Lào. Lào cũng đào tạo cán bộ cho Việt Nam. Hàng năm Lào cung cấp cho Việt Nam 35 học bổng đào tạo đại học. Ngoài việc giúp Lào đào tạo tại Việt Nam, chúng ta có cử nhiều chuyên gia sang giúp bạn đào tạo tại chỗ, cùng các chuyên gia Lào biên soạn sách giáo khoa, hiệu đính chương trình giảng dạy ở các bậc học từ phổ thông đến đại học, tham gia giảng dạy các bộ môn như kinh tế, các chuyên ngành nông, lâm nghiệp và giao thông vận tải…

Việt Nam cũng giúp Lào xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục tại Lào. Chúng ta đã giúp Lào xây dựng 4 trường dân tộc nội trú ở các khu vực như U-đôm-xay,

Xa-va-na-khẹt, Chăm-pa-xăc, Xê-công, Trường trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề tỉnh Bo-keo, Trường năng khiếu và dự bị đại học dân tộc thuộc Trường Đại học quốc gia Viêng-chăn, Trường phổ thông trung học hữu nghị Lào-Việt ở thủ đô. Đồng thời, Việt Nam còn giúp xây dựng ký túc xá cho lưu học sinh tại Trường Đại học quốc gia Viêng-chăn và cung cấp các trang thiết bị cho giảng dạy và học tập... Hợp tác giáo dục đã đạt nhiều kết quả hết sức to lớn.[8]

Hợp tác văn hoá cũng là lĩnh vực hợp tác có khởi sắc. Việt Nam đã giúp Lào một số công trình văn hóa từ nguồn viện trợ không hoàn lại. Tiêu biểu là Bảo tàng Chủ tịch Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn, Trung tâm Lưu trữ phim và hình ảnh động Quốc gia Lào, Công trình xây dựng các trạm chuyển tiếp sóng ở một số địa phương Lào sẽ giúp phủ sóng phát thanh và truyền hình Lào đến vùng sâu, vùng xa của Lào. Đặc biệt Việt Nam đã và đang giúp Lào đào tạo chuyên gia các lĩnh vực văn hóa như âm nhạc, múa, xiếc, hội họa, thư viện, xuất bản, điện ảnh, phát thanh, truyền hình… Nhiều người trong số đó là lực lượng nòng cốt trong các cơ quan văn hóa thông tin của Lào. Việt Nam và Lào cũng phối hợp, hợp tác trong nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật như làm phim, tổ chức Tuần văn hóa Lào tại Việt Nam và Tuần văn hóa Việt Nam tại Lào (7/2007) xây dựng Khu không gian Việt Nam tại Trung tâm văn hóa quốc gia Lào ở thủ đô Viêng-chăn. Ngoài ra, Bộ Văn hóa-Thông tin Việt Nam cũng tặng Bộ Văn hóa-Thông tin Lào Phòng đọc sách Việt Nam và bộ đĩa DVD "Những bài ca hữu nghị Việt-Lào" gồm những ca khúc nổi tiếng và quen thuộc do nhạc sỹ hai nước sáng tác qua các thời kỳ.

Hợp tác về khoa học, công nghệ: Mặc dù trình độ khoa học và công nghệ của Việt Nam và Lào còn thấp, song hai bên đã có hợp tác và cũng thu được kết quả nhất định, được các bạn Lào đánh giá cao. Việt Nam đã giúp Lào nghiên cứu công nghệ sinh học, công tác quản lý môi trường, trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường và phát triển một số công nghệ khác. Việt Nam đã giúp xây dựng cơ sở vật chất đo lường và đào tạo cán bộ chuyên môn. Viện Khoa học xã hội Việt Nam cũng cam kết giúp Viện Khoa học xã hội Lào xây dựng Trung tâm thông tin. Hai nước còn phối hợp nghiên cứu lịch sử, địa lý, viết lịch sử quan hệ đặc biệt Việt-Lào. Vừa qua, để thiết thực kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, Viện Khoa học xã hội hai nước đã phối hợp tổ chức tốt Hội thảo khoa học với chủ đề "Tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào (28-29/6/2007) tại thủ đô Viêng-chăn.

[8] Phát biểu của Thứ trưởng Giáo dục Lào tại Hội thảo Việt-Lào, Viêng-chăn 28-29/6/2007.

Hợp tác y tế giữa hai nước cũng có những tiến bộ. Bộ Y tế Việt Nam đã giúp Lào xây dựng Đề án Trường đại học Y-Dược Viêng-chăn. Dự án đã xây dựng xong, đang triển khai xây dựng khu nhà chính, phòng thí nghiệm và một số phòng học với tổng viện trợ không hoàn lại khoảng 5 triệu đô-la. Việt Nam còn giúp Lào xây dựng các văn bản hành chính, phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, giảng viên.

Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định về kiểm dịch y tế biên giới. Hai bên thường xuyên trao đổi thông tin diễn biến các dịch bệnh phải qua kiểm dịch y tế.

Ngoài ra, hai bên có hợp tác về dược. Một số công ty dược Việt Nam hoạt động tại Lào. Tuy nhiên quy mô hoạt động còn rất hạn chế. Phía Lào mong muốn sớm thành lập Liên doanh sản xuất, xuất nhập khẩu thuốc với Công ty CUDOPHA, Việt Nam.

Hợp tác giữa các địa phương

Biên giới Việt Lào đi qua 11 tỉnh của Việt Nam là Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam và Công Tum, tiếp giáp với 10 trong 16 tỉnh của Lào là Phông-xa-lỳ, Luông Phra-băng, Hủa-phăn, Xiêng Khoảng, Bo-ly Khăm-xay, Khăm-muộn, Xa-va-na-khẹt, Xa-la-van, Xê-kông, A-tô-pư. Ngoài ra, còn có các tỉnh, thành phố kết nghĩa. Chính vì vậy mà hợp tác giữa các địa phương phát triển rất nhanh và sôi động. Các địa phương thường xuyên trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm, thúc đẩy quan hệ kinh tế-thương mại, du lịch, đầu tư. Các địa phương cũng giúp đỡ lẫn nhau như cung cấp học bổng đào tạo, tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho nhân dân Lào… Đi đầu trong hợp tác giữa các địa phương là Thành phố Hồ Chí Minh trong hợp tác với thủ đô Viêng-chăn và tỉnh Chăm-pa-sắc của Lào. Trên cơ sở quan hệ chính trị tốt đẹp, quan hệ kinh tế giữa Thành phố Hồ Chí Minh với hai địa phương kết nghĩa phát triển mạnh. Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ kỹ thuật trồng giống ngô lai, kỹ thuật chăn nuôi, cung cấp bò giống, phân bón, thuốc trừ sâu..., tổ chức nhiều đợt tập huấn cho cán bộ nông nghiệp và bà con nông dân thủ đô Viêng-chăn và tỉnh Chăm-pa-xắc. Công ty nhựa Sài Gòn đầu tư xây dựng nhà máy nhựa tại Viêng-chăn, đã sản xuất có hiệu quả. Lực lượng thanh niên xung phong thành phố có dự án trồng 10 ha cây cao su tại Nam Lào. Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang nghiên cứu xây dựng một siêu thị tại Viêng-chăn. Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố triển khai Chương trình mổ mắt đem lại ánh sáng cho 3000 bệnh nhân nghèo và khiếm thị ở Viêng-chăn và Chăm-pa-xắc. Về giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho hai địa phương kết nghĩa 100 suất học bổng đại học, đã xây

dựng tặng Thành phố Viêng-chăn Trường Hữu nghị Viêng-chăn - Thành phố Hồ Chí Minh cùng các trang thiết bị và tặng tỉnh Chăm-pa-xắc Trung tâm văn hóa.

Hợp tác giữa các tỉnh biên giới của hai nước cũng khá hiệu quả như Hà Tĩnh và Bo-ly Khăm-xay, Hủa-phăn và Sơn La, Quảng Bình và Khăm-muộn, Điện Biên và các tỉnh Bắc Lào…

Đặc điểm quan hệ đặc biệt Việt-Lào

Từ thực tiễn quan hệ đặc biệt Việt-Lào, có thể rút ra một số nét đặc trưng sau đây.

Thứ nhất, Việt Nam, Lào là nước láng giềng liền kề của nhau, quan hệ có bề dày hàng nghìn năm. Lịch sử hai dân tộc có lúc thăng trầm, song quan hệ Việt-Lào *luôn trong sáng, thủy chung, không vẩn đục và đặc biệt tin cậy, với sợi chỉ đỏ xuyên suốt là tinh thần giúp đỡ lẫn nhau*. Cố Chủ tịch Cay-xỏn nhận xét: "Trên thế giới cũng có nhiều tấm gương sáng về quan hệ giữa các dân tộc, nhưng chưa ở đâu và chưa bao giờ lại có mối quan hệ thủy chung, trong sáng và mẫu mực như quan hệ đặc biệt Việt-Lào".[9] Chủ tịch Nguyễn Minh Triết cũng nhận xét: "Nếu hợp tác là tính toán công bằng và theo nguyên tắc thì sự giúp đỡ nhau là vô hạn… Anh em tuy còn nghèo nhưng vẫn nhường cơm, sẻ áo cho nhau".[10]

Thứ hai, mối quan hệ được tạo nên không phải do ý muốn chủ quan của bất kỳ bên nào, *mà là do yêu cầu khách quan* của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do chống kẻ thù chung, từ yêu cầu xây dựng phát triển đất nước của cả hai dân tộc qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương. Do yêu cầu khách quan chống kẻ thù chung mà hai dân tộc sát cánh bên nhau. Do yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới mà hai dân tộc, hai nước, hai Đảng gắn bó với nhau. Như vậy, chính do yêu cầu khách quan của cả hai dân tộc mà Việt và Lào đã kết "xiều" với nhau

Thứ ba, quan hệ đặc biệt Việt-Lào là kết quả của *quá trình vận động tự giác từ thấp đến cao, từ cơ sở đến Trung ương, từ trên xuống dưới*. Là quá trình tự giác vì có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trước kia, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào hiện nay. Hai dân tộc tự nguyện đến với nhau, nương tựa vào nhau nên đã sáng tạo ra vô vàn hình thức đoàn kết, hợp tác phong phú, đa dạng và rất sáng tạo.

[9] *Quan hệ đặc biệt Việt-Lào* (Hà Nội: Học viện Quan hệ quốc tế, 2001).

[10] Quan hệ đặc biệt Việt-Lào không bút mực nào nói hết. Tuần báo *Thế giới và Việt Nam*, số 36, 21-27/7/2007.

Thứ tư, quan hệ đặc biệt Việt-Lào *do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn và các vị tiền bối hai Đảng dày công vun đắp, được tôi luyện trong thực tiễn và hun đúc bằng công sức và xương máu của nhiều anh hùng liệt sỹ, bằng sự hy sinh phấn đấu của nhiều thế hệ người Việt Nam và Lào.*

Thứ năm, quan hệ đặc biệt Việt-Lào *là tính quy luật cho sự tồn tại và phát triển của hai dân tộc, là một nhân tố đảm bảo thắng lợi* của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Lào cũng như Việt Nam.[11]

Phát biểu trong mít-tinh trọng thể chào mừng Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam thăm chính thức Lào, khái quát về đặc điểm quan hệ đặc biệt Việt-Lào, Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh nhấn mạnh: "Trong quan hệ quốc tế, thật hiếm có mối quan hệ nào thắm thiết, bền vững, thủy chung như quan hệ Việt Nam-Lào. Việt Nam và Lào không chỉ là hai nước láng giềng cùng tựa chung vào lưng dãy Trường Sơn hùng vĩ, cùng tắm chung dòng sông Mê Công, mà quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt giữa hai dân tộc chúng ta còn do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Chủ tịch Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn kính mến cùng các vị lãnh đạo tiền bối của hai Đảng, hai nước dày công vun đắp, được tôi luyện qua nhiều thử thách và được hun đúc bằng công sức và xương máu của các anh hùng liệt sỹ, bằng sự hy sinh phấn đấu của nhiều thế hệ người Việt Nam và Lào, đã trở thành mối quan hệ mẫu mực trong sáng, là tài sản vô giá của hai Đảng, hai dân tộc và là quy luật phát triển, một nhân tố đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta".[12]

Phát huy truyền thống tốt đẹp trong quan hệ giữa hai đảng, hai Nhà nước và hai dân tộc, trong 45 năm qua, đặc biệt là 30 năm gần đây, quan hệ đặc biệt Việt-Lào tiếp tục đơm hoa, kết trái trên tất cả các phương diện hợp tác, các mối quan hệ. Hai Đảng, hai Nhà nước khẳng định sẽ làm hết sức mình để giữ gìn và vun đắp cho quan hệ đặc biệt Việt-Lào. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Lào Chu-ma-ly Xay-nha-xỏn nhấn mạnh: "Sẽ vun đắp và xây dựng tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào-Việt Nam mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững".[13]

Với quyết tâm của cả hai phía Lào và Việt Nam, trong bối cảnh quốc tế mới, tuy có phức tạp, thách thức, song cũng có thuận lợi, quan hệ đặc biệt Việt-Lào sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới của hai nước và là đóng góp cho hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và trên thế giới./.

[11] Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch Chum-ma-ly Xay-nha-xỏn tại Hội đàm với Chủ tịch Nguyễn Minh Triết trong chuyến thăm chính thức CHDCND Lào của Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam (5-7/2/2007), Báo *Nhân Dân*, ngày 8/2/2007.

[12] Báo *Nhân Dân*, ngày 12/10/2006.

[13] Báo *Nhân Dân*, ngày 18/7/2007.